TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 02 năm 2023

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Thế Cần
2. Ông Đào Duy Thiều.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-ST ngày 27/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1988
- Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn D, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái; cùng cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại đơn xin xét xử vắng mặt như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc Q có tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã C và lao động tự do, đến tháng 7 năm 2021 vợ chồng chuyển về cư trú và sinh sống tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 và Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn Chị T đề nghị được nuôi con Tâm để anh Q nuôi con Bảo, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay Chị T làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 350, tờ bản đồ số 14, diện tích 272,7 m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất: thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Về nợ chung: Nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984 địa chỉ: thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái số tiền 120.000.000 đồng.

Ly hôn Chị T đề nghị được sở hữu tài sản chung là thửa đất số 350, tờ bản đồ số 14, diện tích 272,7 m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất: thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Đồng thời, Chị T nhận trách nhiệm trả anh T2, chị T3 số tiền 120.000.000 đồng và chia trả chênh lệch về tài sản cho anh Q.

Ngày 12/12/2022 Chị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Đỗ Ngọc Q trình bày như sau:

Anh xác nhận lời trình bày của Chị T về thời gian hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã C và lao động tự do, đến tháng 7 năm 2021 vợ chồng chuyển về cư trú và sinh sống tại thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q có chơi bời. Nay Chị T có đơn xin ly hôn thì anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu Chị T nhất quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị T có 02 con chung Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 và Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn anh Q đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hiện nay anh Q làm nghề xây dựng tự do, thu nhập khoảng 8.000.000 đến 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 350, tờ bản đồ số 14, diện tích 272,7 m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất: thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Về nợ chung: Nợ vợ chồng anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 và chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984 địa chỉ: thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Yên Bái số tiền 120.000.000 đồng.

Ly hôn anh Q đề nghị tài sản chung và nợ chung chia đôi.

- Tại đơn đề nghị của cháu Đỗ Thái B thể hiện: Cháu Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 là con đẻ của Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Ngọc Q. Hiện cháu Bảo đang học lớp 9B, trường Trung học cơ sở xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nếu Chị T, anh Q ly hôn thì cháu Bảo có nguyện vọng ở cùng anh Đỗ Ngọc Q.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn P, xã Q thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Ngọc Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái đến tháng 8 năm 2021 Chị T, anh Q chuyển về sinh sống tại xã Q,

huyện Q, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng Chị T, anh Q có phát sinh mâu thuẫn hay không thì cơ sở thôn không nắm rõ. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh Q có 02 con chung là Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 và Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Ngọc Q là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tạm trú và sinh sống tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị T.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương nhưng không đến tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị T, anh Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 18/9/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã C và lao động tự do, đến tháng 7 năm 2021 vợ chồng chuyển về cư trú và sinh sống tại thôn P, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly

thân từ tháng 11/2021 đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị T đề nghị ly hôn nhưng anh Q không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T, anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị T, xử cho chị được ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Ngọc Q có 02 con chung là Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 và Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016. Ly hôn Chị T xin Tâm để anh Q nuôi con Bảo, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; anh Q xin nuôi 02 con chung và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Đỗ Thái B có nguyện vọng được ở cùng anh Đỗ Ngọc Q. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con chung của Chị T, anh Q là chính đáng, Chị T, anh Q có công việc, thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi con Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016; anh Đỗ Ngọc Q trực tiếp nuôi con Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Ngọc Q yêu cầu tòa án chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Ngày 12/12/2022 Chị T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Tòa án đã tống đạt niêm yết thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh Q không nộp tiền tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của Chị T, anh Q.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Đỗ Ngọc Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi con Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 18/7/2016; anh Đỗ Ngọc Q trực tiếp nuôi con Đỗ Thái B, sinh ngày 25/02/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Thu T.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ *(năm triệu đồng)* Chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004814 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* thành tiền án phí dân sự sơ thẩm và trả lại chị Nguyễn Thị Thu T số tiền 4.700.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu T, anh Đỗ Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh